

HỆ THỐNG DI TÍCH NHO HỌC Ở VIỆT NAM

DƯƠNG VĂN SÁU*

Theo *Đại từ điển tiếng Việt*: “Nho giáo - học thuyết do Khổng Tử đề xuất nhằm duy trì trật tự xã hội phong kiến” (1) còn “Nho học - nền học vấn theo Nho giáo” (2). Nho giáo là một triết thuyết chính trị và đạo lý Đông phương. Học thuyết này đóng vai trò quản lý, điều tiết xã hội chứ không chỉ dừng lại ở trào lưu tư tưởng. Nó tồn tại trong xã hội phong kiến, trở thành thiết chế của xã hội, như là trật tự xã hội đồng thời trở thành những quan niệm trong mọi mối quan hệ, ứng xử, hành xử, giao thoa... giữa những cá nhân và các tầng lớp người trong các mối quan hệ xã hội của họ. Để làm tốt điều đó, vấn đề giáo dục, đào tạo con người, điều tiết, quản lý xã hội sẽ không còn chỉ nằm trong trong hệ thống giáo dục nói chung mà sẽ lan truyền, chi phối đến mọi mặt hoạt động của xã hội; trong toàn bộ các mối quan hệ giữa con người với xã hội mà mình đang sống. Ở Việt Nam dưới thời phong kiến, trong tiến trình tồn tại và phát triển của Nho giáo đồng thời tồn tại một hệ thống giáo dục và đào tạo những người phục vụ đất nước, phục vụ bộ máy cầm quyền đương thời...

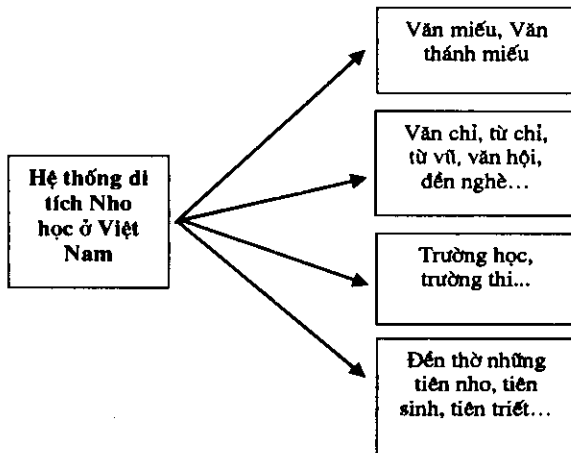
Như vậy, Nho giáo chính là ý thức hệ tư tưởng, hệ thống giáo lý, kinh điển, lễ nghi phép tắc được các triều đại phong kiến phương Đông sử dụng trong quá trình cầm quyền để cai trị xã hội, xây dựng và quản lý

đất nước đồng thời trở thành những chuẩn mực trong các mối quan hệ xã hội, được mọi người thừa nhận và tuân theo một cách tự nguyện hay cưỡng bức và Nho học là nền giáo dục - đào tạo con người theo những chuẩn mực của đạo đức Nho giáo; đồng thời đào tạo, tuyển chọn đội ngũ quan lại cung cấp cho bộ máy chính quyền các cấp của các nhà nước phong kiến phương Đông. Nho giáo mang tính tôn giáo với thánh đường là Văn miếu, Khổng miếu và các di tích khác với nhiều qui mô, cấp độ mang những tên gọi khác nhau; giáo chủ là Khổng Tử và giáo lý là hệ thống các tín điều mà các nhà Nho phải tuân thủ. Trong khi đó, Nho học mang tính học thuật, chứa đựng nội dung tư tưởng và cách thức tổ chức thực hiện để góp phần cơ bản trong việc đào tạo con người, đào tạo nguồn nhân lực cho quá trình “*tu thân - tề gia - trị quốc - an dân - bình thiên hạ*”.

Nho giáo và Nho học du nhập vào Việt Nam khá sớm và tồn tại lâu dài ở Việt Nam. Ảnh hưởng của Nho giáo ở Việt Nam là rất to lớn, nó để lại dấu ấn khá đậm nét trong mọi mặt của đời sống xã hội cho đến tận hôm nay và sẽ còn ảnh hưởng sâu sắc, mạnh mẽ và lâu dài trong tiến trình lịch sử dân tộc. Là một hệ tư tưởng, một học thuyết chính trị xã hội nhưng suốt một thời gian dài dưới thời phong kiến ở Việt Nam,

*Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

Nho giáo cùng với Phật giáo, Lão giáo được cha ông ta gọi là “Tam giáo” và được coi như những tôn giáo trong đời sống xã hội. Trong cuốn *Đại cương Lịch sử Việt Nam* đã viết: “Các tôn giáo cổ truyền: Nho, Phật, Đạo...” (3). Chính vì vậy mà những người được coi là “giáo chủ” của các tôn giáo này được người đời lập nên những đền thờ dành riêng cho họ. Nếu chùa chiền, am tháp, tịnh xá, Phật đài là cơ sở thờ tự của Phật giáo; từ đường, phủ điện, tịnh cốc, thanh am là cơ sở thờ tự của Lão giáo thì Nho giáo cũng có những đền thờ riêng của nó. Những di tích thuộc loại hình di tích Nho học cũng khá đặc sắc và phong phú. Chúng có mặt ở khắp mọi nơi với nhiều loại hình khác nhau. Di tích gắn với Nho giáo, Nho học là những công trình kiến trúc công cộng với qui mô và hình thức khác nhau tùy từng địa phương dùng làm nơi thờ Khổng Tử và các bậc tiên Nho, tiên triết; ngoài ra còn bao gồm hệ thống các trường học, trường thi mà ở đó đã diễn ra quá trình đào tạo và tuyển chọn nhân tài dưới các triều đại phong kiến Việt Nam. Trong hệ thống di tích Nho giáo, Nho học và có thể gọi chung là di tích Nho học, với các tên gọi khác nhau, chức năng cũng không hoàn toàn giống nhau, bao gồm một số loại hình sau đây:



1. Các Văn miếu, Văn thánh miếu

Tên gọi Văn miếu được người châu Âu dịch ra các thứ tiếng của họ là Literature temple (Anh); Literatur tempel (Đức); Le Temple d'Literature (Pháp) đều có nghĩa là “*đền thờ văn học*”. Với một cách hiểu thuần túy như vậy, Văn miếu đã mất đi ý nghĩa nguyên thủy của nó, mà chỉ còn là biểu tượng của văn học dưới góc nhìn của người phương Tây.

Trong sách *Từ điển Hán ngữ hiện đại* - ở trang 1319 có viết: “Văn miếu: Miếu thờ của Khổng Tử (4). Theo từ điển *Từ nguyên* của Trung Quốc: “Văn miếu là miếu Khổng Tử, năm thứ 27 niên hiệu Khai Nguyên thời Đường (739) phong Khổng Tử là Văn Tuyên vương, gọi miếu Khổng Tử là Văn Tuyên vương miếu. Từ thời Nguyên, Minh về sau phổ biến gọi là Văn miếu” (5). Trên quê hương của mình, về cơ bản Khổng Tử luôn được các triều đại phong kiến Trung Hoa trân trọng và tôn vinh [đương nhiên mọi người đều biết và không quên việc Tần Thủy Hoàng “đốt sách - chôn nhà Nho” (*phân thư khanh nho* hay cao trào “*phê Lâm - phê Khổng*” trong giai đoạn Cách mạng văn hóa dưới thời nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa)]. Do công lao của mình, sau khi mất ông được các triều đại

phong kiến ban tặng các tên thụy và danh hiệu khác nhau. Năm đầu sau công nguyên, dưới thời Hán ông được trao thụy hiệu đầu tiên là *Bao Thành Tuyên Ni công - Ngai Ni* (*tức Khổng Tử*) công đức đáng ca ngợi. Đến nhà Tống, triều đình ra sắc phong cho Khổng Tử thêm 2 chữ “*Chí Thánh*”. Đến thời Nguyên sắc phong cho Khổng Tử “*Đại Thành*”. Tên thụy của ông

trong giai đoạn từ 1307-1530 là *Đại Thành Chí Thánh - thành công lớn đạt tới bậc thánh*; giai đoạn từ 1530 trở đi, tên thụy của ông là *Chí Thánh Tiên Sư - bậc thầy đời trước đã đạt tới bậc thánh*. Dưới thời nhà Đường, triều vua Đường Thái Tông (năm 739), Khổng Tử được phong là *Văn Tuyên Vương* cho nên nơi thờ Khổng Tử được gọi là *Văn Tuyên Vương miếu*, trên mộ phần của ông ở Khúc Phụ tẩm bia ghi rõ "*Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương chi mộ*". Với tất cả những phong tặng trên, cho nên hiện nay trong Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội) có bức bài vị của Ngài mang dòng chữ: "*Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư Khổng Tử thân vị*". Việc thờ phụng như vậy là một biểu hiện cho sự đề cao, trân trọng và tôn vinh Khổng Tử, cũng là tôn vinh tri thức, học vấn, đạo lý trong xã hội.

Văn miếu, nghĩa gốc là miếu thờ Văn, thờ đạo học của con người, mà trong đó Khổng Tử - biểu tượng về người thầy muôn đời là người đại diện tối cao. Do vậy, thờ đạo học chính là thờ Khổng Tử và thờ Khổng Tử chính là thờ đạo học của con người. Tùy mỗi địa phương, hệ thống di tích Nho học có những tên gọi khác nhau với qui mô và tính chất cũng khác nhau. Ở Trung Quốc, đất nước vốn là quê hương của Khổng giáo, di tích Nho giáo gọi là Khổng miếu, cũng có nơi được gọi là Văn miếu, Khổng Phu Tử miếu - nơi thờ Khổng Tử và các môn đệ của Ngài. Trên khắp đất nước Trung Hoa có nhiều di tích như vậy với lịch sử hình thành và qui mô kiến trúc - điêu khắc khác nhau. Trước hết phải kể đến Khổng miếu ở Khúc Phụ (Sơn Đông, Trung Quốc) được xây dựng ngay trên nền nhà của Khổng Tử hai năm sau ngày Ngài mất. Nơi đây đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Bên cạnh Khúc Phụ,

nhiều di tích khác cũng được xây dựng như Văn miếu Bắc Kinh, Văn miếu Thượng Hải, Phu tử miếu Nam Kinh, Văn miếu Kiến Thủy (Vân Nam) và các văn miếu ở Đài Loan... Đây đều là các di tích trọng điểm văn vật của Trung Quốc và thế giới...

Ở Việt Nam, Nho giáo và Nho học xuất hiện khá sớm. Những mầm mống Nho giáo xuất hiện cùng với sự xuất hiện ách đô hộ của phong kiến phương Bắc, với sự hiện diện của các quan cai trị phương Bắc. Tuy Nho giáo và Nho học xuất hiện sớm nhưng qui mô ảnh hưởng của nó buổi đầu khá hạn chế, thông thường chỉ phổ biến ở trung ương, gắn với các trung tâm chính trị đầu não và ở các đô thị mà chưa có nhiều ảnh hưởng tới các vùng nông thôn, làng xã. Đây chính là một trong những nguyên nhân mà các nhà nghiên cứu Việt Nam cho rằng sau hơn cả nghìn năm Bắc thuộc, Việt Nam vẫn bảo tồn được bản sắc văn hóa của dân tộc mình, vượt lên trên ách đô hộ hàng nghìn năm để trở thành một quốc gia độc lập tự chủ, ngang hàng với quốc gia phương Bắc lân bang. Nho giáo du nhập, hiện diện trong xã hội và đi kèm với nó là những thiết chế văn hóa cũng từng bước hình thành. Hệ thống di tích Nho học trong đó có các Văn miếu ở Việt Nam xuất hiện rất muộn, Văn miếu xuất hiện sớm nhất ở Việt Nam là Văn miếu Thăng Long ra đời năm 1070 như nhiều sách sử đã ghi lại: "Tháng Tám, mùa thu năm Canh Tuất niên hiệu Thần Vũ năm thứ 2 [1070], làm Văn miếu, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ phối, vẽ tượng Thất thập nhị hiền, bốn mùa cúng tế. Hoàng thái tử đến học ở đây" (6). Sau sự ra đời của Văn miếu đầu tiên này, các Văn miếu ở các địa phương khác còn xuất hiện muộn hơn mốc năm 1070 rất nhiều. Tại sao có vấn đề này? Xét một cách thông thường, với mỗi con người, chỉ khi học vấn đã đạt

được trình độ nhất định, khi khả năng và điều kiện về mọi mặt cho phép, con người ta mới có điều kiện để thực thi những "hành xử văn hóa - tinh thần" của mình. Đối với xã hội, Văn miếu là nơi thờ tự của các tầng lớp Nho gia, gắn với các vương triều phong kiến thống trị xã hội. Sự ra đời của nó cũng cần có những điều kiện lịch sử - chính trị - kinh tế - văn hóa xã hội nhất định.

Theo *Từ điển tiếng Việt* của Trung tâm Từ điển Ngôn ngữ - Viện Ngôn ngữ học xuất bản năm 1992 thì Văn miếu được định nghĩa ngắn gọn là: "miếu thờ Khổng Tử" (7). Trong cuộc sống xã hội, ở các địa phương khác nhau, những di tích gắn với Nho học bên cạnh tên gọi Văn miếu còn được gọi bằng một số tên gọi khác nhau như Văn Thánh, Văn Thánh miếu, Khổng miếu, Tiên sư miếu, Chí Thánh miếu, Chí Thánh Tiên Sư miếu, miếu Thánh hiền, miếu Tiên hiền... Những di tích gắn với Nho học trên địa bàn miền Bắc Việt Nam hầu như chỉ có tên gọi là Văn miếu mà không có tên gọi là Văn Thánh hay Khổng miếu. Đơn cử như Văn miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội), Văn miếu Bắc Ninh, Văn miếu Mao Điền (Hải Dương), Văn miếu Xích Đằng (Hưng Yên)... Trong khi đó, các di tích gắn với Nho học ở miền Trung và Nam Việt Nam lại có những tên gọi như Văn Thánh Huế, Khổng miếu Hội An, Văn miếu Diên Khánh (Khánh Hòa), Văn miếu Trấn Biên (Đồng Nai), Văn Thánh miếu Vĩnh Long (Vĩnh Long)...

Qua tìm hiểu cho thấy, ở trung ương có xây dựng Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội) hay Văn Thánh (Huế), đó là những Văn miếu quốc gia mà qui mô xây dựng thường lớn và đối tượng được thờ bên cạnh Khổng Tử và các tiên Nho tiên triết của Trung Hoa (Tứ phối, Thập triết, Thất thập

nhị hiền...) còn thờ Chu Văn An và lưu danh các tiến sĩ Nho học, những người đỗ đạt khoa bảng ở các địa phương khác nhau trong cả nước. Đến thời nhà Nguyễn (1802 - 1945), bên cạnh Văn miếu trung ương ở Huế, ở hầu hết các tỉnh đều xây dựng các văn miếu hàng tỉnh, nhưng đến nay hầu hết đã bị phá hủy. Dưới thời Vua Minh Mạng (1820 - 1840), sau các cuộc cải cách hành chính, hệ thống tổ chức hành chính cấp tỉnh ra đời năm 1831 trên cơ sở các trấn xứ thời Lê. Vì vậy, các văn miếu hàng tỉnh có thể được xây dựng trên cơ sở, nền tảng là Văn miếu của các trấn, xứ nhưng dưới thời Nguyễn, chúng trở thành Văn miếu cấp tỉnh. Ở các Văn miếu này, qui mô xây dựng khác nhau và đối tượng được thờ là Khổng Tử cùng những Tiến sĩ nho học người quê tại địa phương. Đây cũng thường là trường thi, nơi các địa phương theo lệ định hoặc đột xuất tổ chức các kỳ thi Hương tuyển chọn những người ưu tú của địa phương mình gửi về trung ương tham gia kỳ thi Hội.

Theo bộ sách *Đại Nam nhất thống chí* dưới thời nhà Nguyễn đã từng tồn tại một hệ thống gồm 28 Văn miếu ở Kinh sư (Huế) và các địa phương trong cả nước (8) (xem bảng 1).

Trải qua những biến thiên thăng trầm của lịch sử, hiện tại về cơ bản ở Việt Nam còn tồn tại một số văn miếu với qui mô và hình thức khác nhau sau đây:

- Văn miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội).
- Văn miếu Bắc Ninh.
- Văn miếu Hải Dương.
- Văn miếu Hưng Yên.
- Văn Thánh Huế (Thừa Thiên - Huế).
- Khổng miếu Hội An (Quảng Nam).

Bảng 1: Hệ thống Văn Miếu dưới thời Nguyễn (1802-1945)

Văn miếu ở các tỉnh	Văn miếu ở các tỉnh	Văn miếu ở các đạo và Kinh sư
1. Tỉnh Lạng Sơn	13. Tỉnh Nam Định	25. Đạo Quảng Trị
2. Tỉnh Cao Bằng	14. Tỉnh Thanh Hóa	26. Đạo Hà Tĩnh
3. Tỉnh Thái Nguyên	15. Tỉnh Nghệ An	27. Đạo Phú Yên
4. Tỉnh Tuyên Quang	16. Tỉnh Quảng Bình	28. Văn miếu Kinh sư (Huế)
5. Tỉnh Hưng Hóa	17. Tỉnh Quảng Nam	
6. Tỉnh Sơn Tây	18. Tỉnh Quảng Ngãi	
7. Tỉnh Quảng Yên	19. Tỉnh Bình Định	
8. Tỉnh Hà Nội	20. Tỉnh Khánh Hòa	
9. Tỉnh Bắc Ninh	21. Tỉnh Bình Thuận	
10. Tỉnh Hải Dương	22. Tỉnh Biên Hòa	
11. Tỉnh Hưng Yên	23. Tỉnh Gia Định	
12. Tỉnh Ninh Bình	24. Tỉnh Vĩnh Long	

- Văn miếu Diên Khánh (Khánh Hòa).
- Văn miếu Trấn Biên (Biên Hòa, Đồng Nai).
- Văn Thánh miếu Vĩnh Long.

Trong các Văn miếu còn lại kể trên, ngoại trừ Văn miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội) và Văn Thánh Huế (Thừa Thiên - Huế) đã từng là những Văn miếu Trung ương, gắn với các triều đại phong kiến Việt Nam đã từng đóng đô ở Hà Nội và Huế số còn lại là những Văn miếu mang tư cách văn miếu hàng tỉnh. Ngoài những Văn miếu kể trên, ở các địa phương còn tồn tại khá nhiều các Văn miếu với qui mô nhỏ, phụ thuộc các cấp quản lý hành chính từ trên xuống dưới và mang những tên gọi khác nhau:

- Hai Văn Thánh miếu trên địa bàn phố cổ Hội An (Quảng Nam): một ở số nhà 16 đường Phan Châu Trinh (Văn Thánh miếu Minh Hương), một ở số nhà 16 Hùng Vương (Văn Thánh miếu Cẩm Phô).

- Trên địa bàn Thành phố Tam Kỳ (Quảng Nam) có di tích Văn Thánh - Khổng miếu đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia vào ngày 26-4-2005.

- Di tích Văn thánh miếu Bình Định ở thôn Vĩnh Phú (xưa là Vĩnh Lại), xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn vốn được xây dựng từ năm 1802 nay chỉ còn dấu tích hai tấm bia đá "*khuyh cái hạ mã* - nghiêng lọng, xuống ngựa và bức bình phong long mã đội hà đồ ở phía trước.

- Nhiều địa phương đang có xu hướng khôi phục lại hệ thống di tích văn miếu ở địa phương mình như Văn miếu Vinh (Nghệ An), Văn miếu Vĩnh Yên (Vĩnh Phúc)... bằng việc tổ chức các cuộc khảo cứu dấu tích, hiện trạng những dấu tích, thư tịch còn sót lại; tổ chức các Hội thảo khoa học để trao đổi, thảo luận về vấn đề khôi phục, bảo tồn, phát huy những giá trị to lớn mà các di tích Văn miếu hàm chứa.

2. Các văn chỉ, từ chỉ, từ vũ, văn hội, đền nghè

Dưới cấp hành chính tỉnh, các phủ, huyện cũng có hệ thống di tích Nho học nhưng gọi đó là các văn chỉ, từ chỉ, từ vũ hay các đền thờ, lăng mộ, nghè thờ... hiện còn khá nhiều và nhiều di tích còn tương đối nguyên vẹn. Những di tích này thường được xây dựng ở những nơi có nhiều người đỗ đạt khoa bảng trong các làng xã. Với qui

mô khác nhau, những từ chỉ, văn chỉ ở các địa phương thường không có hệ thống tượng thờ mà chỉ có các ban, bệ thờ đôi khi lộ thiên hoặc với những tự khí đơn giản. Theo *Từ điển tiếng Việt* Văn chỉ là: "nền và bệ xây để thờ Khổng Tử ở các làng xã thời trước" (9). Theo *Từ điển văn hoá cổ truyền Việt Nam*: "Văn từ, Văn chỉ là nơi thờ Khổng Tử và những bậc khoa hoạn trong làng. Bệ gạch xây lộ thiên là Văn chỉ, có mái che là Văn từ" (10).

Những di tích này vốn là nơi thờ tự Nho học ở làng xã đồng thời là nơi diễn ra các sinh hoạt văn hóa của những người vốn đã từng có ít nhiều chữ nghĩa thánh hiền. Nơi hội Tư văn ở các địa phương sinh hoạt và cũng là nơi diễn ra các hoạt động tôn vinh khoa bảng ở các địa phương dưới thời phong kiến, khích lệ phong trào học hành phấn đấu của các nho sinh, nho sĩ. Hệ thống những di tích này vốn đã từng phát huy tốt vai trò của mình đối với việc giáo dục đào tạo trong quá khứ và hiện nay vẫn càng ngày càng phát huy hơn nữa vai trò của nó trong sự nghiệp trồng người đặc biệt quan trọng này. Ở các địa phương hiện nay, phong trào khuyến học ngày càng mở rộng và phát triển. Những nhà thờ họ, đặc biệt là những dòng họ có người đỗ đạt cao, đỗ Tiến sĩ dưới thời phong kiến; những văn từ, văn chỉ trở thành trụ sở, trung tâm cho các hoạt động khuyến học của các dòng họ, các địa phương. Những di tích này vừa là nơi thờ tự, tôn vinh những người đỗ đạt khoa bảng trong quá khứ truyền thống vừa là nơi sinh hoạt của giới trí thức của làng xã trong giai đoạn hiện nay. Nơi đáp bồi niềm tin, sự trợ giúp có nhiều ý nghĩa đối với những "sĩ tử" của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa hôm nay.

3. Hệ thống trường học, trường thi

Để cung cấp đội ngũ sĩ phu cho xã hội,

những quan lại của chính quyền phong kiến, các địa phương đã tổ chức các trường học, trường thi. Do bị chi phối bởi nhiều yếu tố, hệ thống trường học, trường thi ở các địa phương không đồng đều về số và chất lượng. Trong làng xã, những người có ít nhiều chữ nghĩa Thánh hiền nhưng không đỗ đạt khoa bảng, không tham gia bộ máy chính quyền các cấp mà đi "gõ đầu trẻ" - dạy học. Những trường học sơ khởi ấy thường được mở ngay tại nhà của thầy. Dù nhiều hay ít, đôi khi chỉ với dăm ba học trò học chung một thầy, chữ nghĩa Thánh hiền, kỹ cương, giáo lý Nho giáo từng bước phổ cập và truyền bá ở rất nhiều những trường học cấp cơ sở ấy. Khi nhà nước tổ chức các kỳ thi tuyển từ thấp lên cao, những người học trò ấy bước vào đường "khoa lộ", lều chõng đi thi mang theo sự hy vọng, tin tưởng, chờ mong của Thầy, của cha mẹ gia đình và cả tình cảm, ước mong của cả làng, cả xóm. Và trên hết là ước mong của chính mỗi nho sinh, nho sĩ được đỗ đạt khoa bảng để được vinh thân - tể gia - trị quốc... Dưới thời phong kiến, có 3 cấp thi là thi Hương, thi Hội, thi Đình. Nếu ở các địa phương tổ chức thi Hương thì ở triều đình tổ chức thi Hội và thi Đình để chọn ra các Tiến sĩ và Trạng nguyên. Địa điểm tổ chức các cuộc thi có thể là một khu vực riêng hoặc tổ chức ngay trong khu vực Quốc Tử Giám hoặc trong các tòa điện trong kinh thành. Để phục vụ quá trình đào tạo, nghiên cứu... một số cơ quan cũng được thành lập như Chiêu Văn quán, Tú Lâm cục, Trung Thư giám, Sùng Văn quán... Do chỉ được xây dựng với kiến trúc đơn giản, thường mang tính tạm thời theo mô thức "lều - chõng" nên các trường học hầu như không để lại dấu vết kiến trúc mà chỉ còn lại địa điểm gắn với các địa danh đã đi vào cuộc sống xã hội và lịch sử của các địa phương. Những nơi này hiện nay hầu như chỉ còn tên gọi

như phố Tràng Thi ở Hà Nội ngày nay, cánh đồng Tràng trước cửa Văn miếu Mao Điền (Cẩm Giàng - Hải Dương), chùa Bình (nơi bình văn của học trò dưới thời Sĩ Nhiếp) trong khu vực thành cổ Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh), Trường thi Hương (Nam Định)... Trên nền xưa dấu cũ, nên chăng chúng ta cho xây dựng những trường học với qui mô và tính chất khác nhau để nối tiếp truyền thống hiếu học, khoa bảng của cha ông, đào tạo, cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hôm nay.

4. Những đền thờ tiên nho, tiên sinh, tiên triết, người đỗ đạt khoa bảng

Bên cạnh việc được phối thờ tại các Văn miếu, văn chỉ, từ chỉ... một số nhân vật nổi tiếng còn được lập đền thờ tại quê hương của họ hoặc ở những nơi họ đã có cống hiến to lớn cho sự nghiệp giáo dục đào tạo hoặc thành danh trên quan lộ. Những đền thờ đó trước hết dành cho những người có công trong truyền bá và phát triển Nho giáo, Nho học ở Việt Nam. Đó là một số di tích như đền Lũng Khê thờ Sĩ Vương trong thành cổ Luy Lâu, đền và lăng mộ Sĩ Vương tại Tam Á (Thuận Thành, Bắc Ninh). Sĩ Vương hay Sĩ Nhiếp là người được các triều đại phong kiến Việt Nam phong là "*Nam giao học tổ* - ông Tổ học xứ Nam". Dưới thời Nguyễn, triều vua Minh Mạng năm thứ 4 (1824) Sĩ Vương được đưa vào thờ ở miếu Đế vương các đời trên địa bàn xã Dương Xuân, phối thờ cùng với Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân, Hùng Vương, Đinh Tiên Hoàng, sau đó đến năm Minh Mạng thứ 13 (1833) lại được đưa vào thờ ở trong Văn miếu dưới hạng Tiên nho thờ phụ" (11). Hay những di tích có liên quan đến những nhân vật nổi bật của nền khoa bảng giáo dục thời phong kiến ở khắp

các địa phương. Ví dụ, ở thôn Đình Tổ, xã Đình Tổ huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh hiện còn lăng mộ Thái sư Lê Văn Thịnh - Trạng nguyên khai khoa của nền Nho học Việt Nam. Ngài được thờ ở đình làng với tư cách thành hoàng làng, hàng năm lễ hội của làng từ 10/5 đến 12/5 Âm lịch đều có rước kiệu Ngài rất trang trọng. Không chỉ ở Đình Tổ, Lê Văn Thịnh còn được 10 làng ở xã Đông Cứu, huyện Gia Bình thờ trong hội Thập đình. Chu Văn An - người thầy giáo mẫu mực của Việt Nam bên cạnh được thờ ở Văn miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội) và một số Văn miếu khác như Văn miếu Hải Dương, Văn miếu Hưng Yên, Văn miếu Trấn Biên (Đồng Nai), còn lập đền thờ riêng Ngài ở Chí Linh (Hải Dương) vừa mới khánh thành đầu năm 2008. Còn biết bao những danh nho danh sĩ khác trong lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam được thờ cúng tôn vinh ở các nhà thờ họ, các đền thờ với qui mô kiến trúc khác nhau có mặt ở tất cả các địa phương trong cả nước trong suốt chiều dài lịch sử. Những làng quê nổi danh đã đi vào lịch sử khoa bảng Việt Nam và cũng in sâu trong tâm thức dân gian như Mộ Trạch (Hải Dương) được coi là "*Tiến sĩ sào* - Tổ Tiến sĩ", Kim Đôi (Bắc Ninh) gắn với vùng đất nổi danh "*một giỏ ông Đồ, một bồ ông Cống, một đồng Trạng nguyên, một thuyền Bảng nhãn*" hay các làng "*Đông - Cổ Am, Nam - Hành Thiện*" là những cái nôi khoa bảng. Ở các địa phương này, những danh nho được thờ trong các nhà thờ của dòng họ, là niềm tự hào, sự động viên khích lệ lớp lớp cháu con phấn đấu noi gương cha ông.

Những đền thờ các danh sĩ cùng rất nhiều hiện vật có liên quan như bia đá, bảng vàng, sắc phong, thần phả, gia phả, nhà thờ các vị đại khoa ở các dòng họ trong làng xã cùng những di cảo như sách vở, bút

ngiên, gánh sách... Đó là một kho tàng di sản văn hóa phong phú của cha ông để lại, cần tiếp tục được bảo vệ, giữ gìn chu đáo, nghiên cứu sâu sắc nhằm phát huy vai trò tác dụng to lớn của nó trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.

Hệ thống di tích Nho học ở Việt Nam đã phát huy vai trò to lớn của chúng trong quá khứ lịch sử. Chúng thực sự khẳng định được vị thế của mình trong xã hội phong kiến trước đây. Hiện nay, những công trình kiến trúc di sản quý báu trên đã và đang phát huy vai trò to lớn của mình trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Những di tích Nho học đặc sắc đứng đầu là Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội) trở thành những điểm tham quan du lịch nổi tiếng của đất nước, nơi hàng ngày đón tiếp các nguyên thủ quốc gia, các đoàn khách du lịch đến từ khắp nơi trên thế giới

để tìm hiểu về Văn hiến Việt Nam. Những di tích Nho học không chỉ là các điểm tham quan du lịch đặc sắc trong các tour du lịch văn hóa mà còn là nơi diễn ra các sinh hoạt văn hóa - xã hội - giáo dục trọng điểm của các địa phương. Chính ở các di tích Nho học là nơi rất thích hợp để diễn ra các Hội thảo khoa học về các danh nhân của địa phương và đất nước. Đây cũng là nơi tôn vinh truyền thống khoa bảng của các địa phương, góp phần khuyến khích lớp lớp cháu con tích cực học tập rèn đức luyện tài, noi gương cha ông để trở thành những người có ích cho gia đình, dòng tộc và đất nước... Cũng ở các di tích Nho học này, những hoạt động văn hóa - giáo dục có môi trường thuận lợi nhất để triển khai các hoạt động của mình trong sự nghiệp trồng người đặc biệt quan trọng trong tiến trình hội nhập của đất nước hiện nay.

CHÚ THÍCH

(1). Nguyễn Như Ý (Chủ biên). *Đại từ điển tiếng Việt*. Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1998, tr. 1253.

(2). Nguyễn Như Ý (Chủ biên). *Đại từ điển tiếng Việt*. Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1998, tr. 1253.

(3). Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh, *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997, tr. 384.

(4). Thương vụ ấn thư quán, *Hiện đại Hán ngữ Từ điển*, Bắc Kinh, 1999, tr. 1319.

(5). Trung tâm hoạt động văn hóa - khoa học Văn miếu - Quốc Tử Giám, dẫn theo "Tổng luận đề tài nghiên cứu khoa học - Cơ sở và giải pháp nghiên cứu quản lý di tích Nho học ở Việt Nam". Hà Nội, 1999, tr. 6.

(6). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỷ, quyển III, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, Bản điện tử 2001, tr. 108.

(7). Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm từ điển ngôn ngữ - Viện ngôn ngữ học, Hà Nội, 1992, tr. 1079.

(8). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập I - tập V, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1992.

(9). Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm từ điển ngôn ngữ - Viện ngôn ngữ học, Hà Nội, 1992, tr. 1079.

(10). Trung tâm hoạt động văn hóa - khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám, sđd, tr. 7.

(11). Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Nxb. Thuận Hóa, tr. 429, 435.